

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/DS-PT  
Ngày 23-02-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội Đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Ngọc Phi.

*Các Thẩm phán:*

Ông Lưu Hữu Giàu;

Ông Nguyễn Hoàng Thám.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 189/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 243/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 361/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 06/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đỗ Tuấn T, sinh năm 1998; nơi cư trú: Tổ 21, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Võ Hồ Thế P, là Luật sư của Công ty Luật Hợp danh A chi nhánh tại Cần Thơ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Tân Thị Thúy H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 21, ấp T, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Nghiêm Xuân L, là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 21, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 385, Khu vực T, phường K, quận N, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Tuấn T là nguyên đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Tuấn T (sau đây gọi tắt là ông T) trình bày:*

Ông và bà Tân Thị Thúy H (sau đây gọi tắt là bà H) quen biết nhau từ giữa tháng 12/2021 thông qua sự giới thiệu của ông Đoàn Văn Đ (sau đây gọi tắt là ông Đ). Trong thời gian quen biết, ông có nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của bà H cho bà H mượn. Hình thức mượn tiền: Sáng mượn, chiều trả; số tiền mượn từ vài trăm triệu đến vài tỷ Đng; bà H điện thoại trực tiếp cho ông Đ; sau đó, ông Đ điện thoại thông báo cho ông để ông chuyển tiền vào tài khoản của bà H (số tài khoản của bà H do ông Đ cho ông biết). Hình thức trả tiền: Có khi bà H chuyển trả trực tiếp vào tài khoản của ông; có khi bà H chuyển trực tiếp vào tài khoản của ông Đ; sau đó, ông Đ chuyển vào tài khoản trả lại cho ông; có khi bà H dùng số tài khoản của người khác chuyển trả vào tài khoản của ông. Những lần mượn trước ngày 10/01/2022, bà H đã trả xong.

Khoảng 08 giờ sáng ngày 10/01/2022, ông chuyển vào tài khoản của bà H 2.900.000.000đ cho bà H mượn theo giới thiệu của ông Đ; đến 09 giờ cùng ngày, ông Đ nói là bà H sẽ không trả tiền cho ông nên ông điện thoại yêu cầu bà H trả tiền, thì bà H chuyển vào tài khoản ông 400.000.000đ. Sau đó, ông và ông Đ đến nhà của bà H yêu cầu bà H trả tiếp 2.500.000.000đ nhưng bà H không đồng ý; khoảng 13 giờ cùng ngày, bà H chuyển vào tài khoản của ông 500.000.000đ; còn nợ 2.000.000.000đ chưa trả.

Theo đơn khởi kiện, ông yêu cầu bà H phải trả cho ông số tiền 2.000.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên hòa giải ngày 22/8/2022, ông yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 10/01/2022 đến nay là 135.000.000đ và tiếp tục trả lãi đến khi giải quyết xong theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

*Theo đơn phản tố, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H trình bày:*

Thông qua người quen giới thiệu, bà biết ông Đ (có tên thường gọi là L) là Chủ doanh nghiệp kinh doanh lúa, gạo tại huyện Tịnh Biên. Bà, ông Đ và ông Nguyễn Tấn P (sau đây gọi tắt là ông P) có quan hệ hùn mua bán lúa, gạo qua Campuchia, thỏa thuận bằng lời nói: Tôi và ông P hùn vốn, ông Đ hùn phương tiện vận chuyển, ông P chịu trách nhiệm theo dõi sổ sách thu mua, ông Đ chịu trách nhiệm vận chuyển và theo dõi sổ sách bán ra. Khởi điểm công việc là ngày

21/02/2020, việc mua bán lúa gạo được vài tháng, bà ra vốn nhiều lần với số tiền khoảng 4.000.049.000đ; do cần tiền nên sau đó bà rút vốn dần.

Ngày 21/12/2020, bà, ông P và ông Đ kết toán sổ, ông Đ báo lỗ nên chấm dứt việc hùn mua bán lúa gạo. Sau khi kết toán sổ, ông Đ còn nợ bà 2.550.000.000đ, ông Đ nợ ông P 454.000.000đ, tổng cộng là 3.004.000.000đ. Thời gian kéo dài 01 năm, ông Đ nhiều lần hứa trả tiền nhưng không trả. Qua nhiều lần yêu cầu ông Đ trả tiền thì ông Đ nói với bà là sẽ nhờ người thân chuyển tiền trả cho bà.

Ông Đ là cậu ruột của ông T; ngày 10/01/2022, ông T có chuyển vào tài khoản của bà số tiền 2.900.000.000đ, là tiền ông Đ trả nợ cho bà (do ông Đ có nợ bà 2.550.000.000đ và nợ ông T 454.000.000đ như kết sổ ngày 21/12/2020) nhưng bà và ông P đồng ý chia sẻ rủi ro với ông Đ do dịch bệnh nên bà chia sẻ 500.000.000đ, ông P chia sẻ 400.000.000đ; do đó, cùng ngày 10/01/2022, bà chuyển vào tài khoản của ông T để trả lại cho ông Đ 900.000.000đ (chuyển 02 lần).

Sau đó, ông Đ và ông T kiện bà đến Công an huyện P trình bày là bà có mượn của ông T số tiền 2.000.000.000đ; bà không thừa nhận mượn tiền của ông T; số tiền 2.000.000.000đ do ông T chuyển vào tài khoản của bà ngày 10/01/2022 là tiền ông Đ trả nợ cho bà; giao dịch giữa bà và ông Đ không có người thứ 3; bà không biết về giao dịch giữa ông T và ông Đ.

Bà thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 01/2022, nhiều lần bà nhận tiền do số tài khoản lạ chuyển vào tài khoản của bà nhưng bà nghĩ đó là tiền ông Đ bán được lúa gạo chuyển cho bà; cũng có nhiều lần bà chuyển tiền vào tài khoản của ông Đ để ông Đ làm vốn xoay sở.

Nay bà không Đng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

Theo đơn phản tố tháng 3/2022, bà yêu cầu ông Đ phải trả tiếp cho bà 550.000.000đ và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/6/2022, bà rút yêu cầu phản tố.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*- Ông Đ trình bày:*

Ông, bà H và ông P có hùn mua bán lúa, gạo; bà H và ông P hùn vốn, ông phụ trách bán lúa, gạo; mỗi lần mua lúa, gạo là do bà H tự chuyển tiền trả cho đối tác; ông không nhận tiền của bà H; ông không thừa nhận có nợ bà H 02 tỷ đồng.

Do bà H nói cần vốn nên ông giới thiệu ông T (là cháu của ông) chuyển tiền nhiều lần cho bà H mượn, bà H cho tiền cả phê khoảng 01 đến 02 triệu đồng; trước khi xảy ra tranh chấp, ông T và bà H không biết nhau mà chỉ thông qua ông, số tài khoản của bà H do ông đưa cho ông T, khi bà H cần mượn tiền thì bà H cho ông hay, rồi ông nói ông T chuyển tiền cho bà H mượn; ông T không tham gia hùn mua bán lúa, gạo với bà H, ông và ông P. Số tiền

2.900.000.000đ là tiền của ông T chuyển cho bà H mượn, không phải tiền của ông. Ông không thừa nhận lời khai của bà H về việc bà H trình bày số tiền 2.000.000.000đ của ông T chuyển cho bà H là tiền ông trả cho bà H.

Tại biên bản đối chất ngày 19/9/2022, ông Đ trình bày: Quá trình mua bán lúa, gạo chung, có phát sinh lời và lỗ; do người mua tại Campuchia chưa trả tiền nên ông chưa trả cho bà H. Còn số tiền cụ thể thì ông cũng thừa nhận hơn 02 tỷ đồng.

- Ông P trình bày:

Khoảng tháng 02/2020, ông, bà H và ông Đ có hùn mua bán lúa, gạo, cùng thỏa thuận: Bà H ứng vốn, ông thu mua, ông Đ vận chuyển, tìm khách hàng bán lại; kết thúc từng thương vụ, ông Đ khấu trừ chi phí, hoàn trả cho bà H phần vốn mà bà H đã ứng, phần lợi nhuận ông Đ thanh toán cho từng thành viên. Quá trình thực hiện, bà H ứng nhiều lần với số tiền là 2.550.000.000đ để mua hàng, ông Đ bán được hàng nhưng đến nay ông Đ vẫn chưa thanh toán vốn cho bà H, chưa thanh toán lợi nhuận cho các thành viên. Ngày 21/12/2020, ông và bà H kết sổ quyết toán thì ông Đ còn nợ bà H 2.550.000.000đ, ông Đ nợ ông là 454.000.000đ, tổng cộng là 3.004.000.000đ.

Ngày 10/01/2022, bà H có nói với ông là ông Đ đã chuyển 2.900.000.000đ để trả nợ cho bà H thông qua số tài khoản của ông T (là cháu của ông Đ). Để chia sẻ rủi ro với ông Đ trong mùa dịch bệnh nên ông và bà H thống nhất chuyển trả lại ông Đ 900.000.000đ; còn lại số tiền 2.000.000.000đ là tiền ông Đ trả cho bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 189/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về yêu cầu bà H trả 2.000.000.000đ và 135.000.000đ tiền lãi. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/10/2022, ông T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà H trả nợ gốc 2.000.000.000đ và tiền lãi 135.000.000đ.

*Tại phiên tòa:*

- Ông T trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bà H: Vắng mặt.

- Ông Đ trình bày: Thống nhất như ý kiến và yêu cầu của ông T.

- Ông P: Vắng mặt.

Luật sư Võ Hồ Thế P trình bày ý kiến tranh luận bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T. Sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T; buộc bà H trả cho ông T vốn gốc 2.000.000.000đ và tiền lãi là 135.000.000đ.

Luật sư Nghiêm Xuân L trình bày ý kiến tranh luận bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 189/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà H và ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà H và ông P theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đương sự thống nhất: Ông Đ có tên thường gọi là “L”, là cậu ruột của ông T; ông P có tên thường gọi là “T”; bà H là Giám đốc của Công ty Tăng Ngọc T.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T trình bày: *“Ông Đ có nói với tôi là bà H cần mượn tiền làm ăn nên ông Đ kêu tôi chuyển tiền cho bà H mượn để bà H cho tiền cà phê, vì vậy tôi cho bà H mượn tiền nhiều lần, bằng hình thức tôi chuyển tiền từ tài khoản của tôi đến tài khoản của bà H; sáng mượn, chiều trả, trễ lắm là ngày hôm sau; từ tài khoản của tôi chuyển vào tài khoản của bà H tổng cộng khoảng 72 lần = khoảng 33 tỷ đồng; bắt đầu chuyển là ngày 21/12/2021 và cuối cùng là ngày 10/01/2022; những lần chuyển tiền cho bà H mượn trước ngày 10/01/2022 (tức từ ngày 21/12/2021 đến ngày 09/01/2022) thì bà H đã trả vốn cho tôi đầy đủ, việc bà H trả tiền cho tôi bằng hình thức nhờ người khác mang tiền mặt giao trực tiếp cho tôi, tuy nhiên, tôi không biết tên người giao tiền cho tôi (bà H không trả tiền bằng chuyển khoản). Riêng sáng ngày 10/01/2022, từ tài khoản của tôi chuyển đến tài khoản của bà H 2.900.000.000đ, khoảng vài giờ sau, ông Đ thông tin cho tôi là bà H không trả 2.900.000.000đ cho tôi nên tôi gọi điện thoại cho bà H, thì bà H chuyển trả lại cho tôi 02 lần là 900.000.000đ, còn lại 2.000.000.000đ bà H không trả nên tôi nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà H trả cho tôi nợ gốc 2.000.000.000đ và tiền lãi 135.000.000đ”.*

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/01/2023, bà H trình bày: *“Tôi không thừa nhận toàn bộ lời khai của ông T; tôi và ông T không vay, mượn tiền; tôi không nhờ ông Đ mượn tiền của ông T giùm tôi; tôi cũng không trả tiền gì cho*

ông T. Từ tài khoản của ông T chuyển đến tài khoản của tôi rất nhiều lần, lần đầu tiên là ngày 21/12/2021 và cuối cùng là ngày 10/01/2022 nhưng đó là số tiền của ông Đ (có tên thường gọi là L) chuyển cho tôi, vì giữa tôi, ông Đ và ông Phương có hùn mua bán lúa, gạo, tôi là người xuất vốn, ông P thu mua, ông Đ vận chuyển và bán hàng, khi bán xong hàng thì ông Đ thu tiền và ông Đ phải chuyển tiền cho tôi, sau đó kết toán tính lời lỗ. Ông Đ thường xuyên dùng số tài khoản của ông T để chuyển tiền cho tôi (là tiền ông Đ thu được từ bán hàng), việc chuyển tiền từ tài khoản của ông T đến tài khoản của tôi vẫn diễn ra bình thường. Kết toán năm 2020, thì ông Đ còn nợ tôi 2.550.000.000đ, ông Đ nợ ông P 454.000.000đ, ông Đ hứa hẹn nhưng không trả, đến đầu năm 2022, ông Đ cho tôi biết là sẽ chuyển tiền trả cho tôi, ngày 10/01/2022, tôi nhận được 2.900.000.000đ từ tài khoản của ông T chuyển đến; tôi cho ông P biết việc ông Đ trả tiền cho tôi, ông P và tôi bàn bạc trả lại cho ông Đ 900.000.000đ là phần tôi chịu lỗ 500.000.000đ, còn lại 400.000.000đ thì ông P chịu; xem như ông Đ trả tôi 2.000.000.000đ mà ông Đ đã nợ tôi; do đó, tôi chuyển trả lại cho ông Đ 900.000.000đ đến tài khoản của ông T, tôi có ghi nội dung: “Tiền L dư”.

Như vậy, bà H phản đối yêu cầu khởi kiện của ông T; ông T không cung cấp tài liệu, chứng cứ về hợp đồng vay hoặc mượn giữa ông T và bà H; không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc bà H có nhờ ông Đ vay hoặc mượn tiền của ông T; không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc bà H có trả tiền lãi (hoặc tiền cả phê) cho ông T thông qua ông Đ; không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc bà H có nhờ người khác trả tiền mặt trực tiếp cho ông T.

Hơn nữa, lời khai của ông T không thống nhất về việc bà H trả khoản tiền từ ngày 21/12/2021 đến ngày 09/01/2022 (tại cấp sơ thẩm khai: “Đối với khoản tiền mượn trước ngày 10/01/2022, sau khi mượn tiền thì bà H trả tiền cho tôi bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của tôi hoặc tài khoản của ông Đ”; tại phiên tòa phúc thẩm khai: “Đối với khoản tiền mượn trước ngày 10/01/2022, sau khi mượn tiền thì bà H trả tiền cho tôi bằng hình thức nhờ người khác trả tiền mặt trực tiếp cho tôi”).

[3.2] Qua đối chiếu bảng sao kê số tài khoản của ông T, số tài khoản của ông Đ, số tài khoản của bà H, cho thấy:

Số tài khoản của bà H và số tài khoản của ông Đ từ ngày 21/12/2021 đến ngày 10/01/2022, ngoài giao dịch với số tài khoản của ông T thì còn nhiều giao dịch với các số tài khoản khác.

Ngày 20/12/2021 số dư tại tài khoản của ông T là 2.526.404đ. Số tài khoản của ông T từ ngày 21/12/2021 đến ngày 10/01/2022 phần nhiều nhận tiền từ tài khoản của ông Đ chuyển đến và chuyển đi đến tài khoản của bà H.

Thời điểm bắt đầu giao dịch giữa tài khoản của ông T và tài khoản của bà H là ngày 21/12/2021, tương ứng với số tiền từ tài khoản của ông Đ chuyển đến tài khoản của ông T vào ngày 21/12/2021 và tiếp theo những lần sau, cũng diễn ra tương tự, tức là ông Đ chuyển tiền vào tài khoản của ông T và ông T chuyển ngay đến tài khoản của bà H (cách khoảng vài phút hoặc khoảng 01 giờ). Tính

từ ngày 21/12/2021 đến ngày 10/01/2022, từ tài khoản của ông Đ chuyển đến tài khoản của ông T tổng cộng khoảng 74 lần với khoảng 33 tỷ Đng; cũng là số lần chuyển khoản và số tiền từ tài khoản của ông T chuyển đến tài khoản của bà H tính từ ngày 21/12/2021 đến ngày 10/01/2022 (74 lần với khoảng 33 tỷ Đng).

Tài khoản của ông T nhận được số tiền do tài khoản của bà H và tài khoản của Công ty Tăng Ngọc T (do bà H là Giám đốc) chuyển đến từ ngày 21/12/2021 đến ngày 10/01/2022 tổng cộng là 07 lần (ngày 29/01/2021; ngày 06/02/2022; ngày 10/01/2022) với khoảng 2.330.200.000đ; sau đó, ông T chuyển đến tài khoản của ông Đ và sử dụng chuyển T toán tiền giao dịch của ông Đ với đối tác (nội dung giao dịch có ghi: “*L chuyển cọc gạo 150tan giá 11800; : “L chuyển tiền cọc nếp”*). Ngoài ra, tại tài khoản ông T không nhận khoản tiền khác từ tài khoản của bà H, không nhận khoản tiền khác do bà H chuyển bằng hình thức khác.

Tài khoản của ông Đ nhận được số tiền do tài khoản của ông T chuyển đến từ ngày 21/12/2021 đến ngày 10/01/2022 tổng cộng 02 lần với số tiền 911.000.000đ vào ngày 29/02/2021 (tương ứng với số tiền do bà H chuyển đến tài khoản của ông T ngày 29/12/2021). Ngoài ra, tại tài khoản ông Đ không nhận khoản tiền nào khác từ tài khoản của ông T, không nhận khoản tiền khác do ông T chuyển bằng hình thức khác.

Tài khoản của ông T từ ngày 21/12/2021 đến ngày 10/01/2022 không có số dư hơn 50 triệu đồng quá 03 ngày. Mỗi lần tài khoản của ông T nhận được tiền từ tài khoản của ông Đ chuyển đến thì ngay sau đó ông T chuyển đến tài khoản của bà H (không lưu tại tài khoản của ông T quá một giờ).

[3.3] Về số tiền 2.900.000.000đ chuyển khoản vào ngày 10/01/2022 cũng tương tự như những lần chuyển khoản từ ngày 21/12/2021 đến ngày 09/01/2022, tức là ông Đ chuyển đến tài khoản của ông T trước; ngay sau đó (cách vài phút), ông T chuyển đến tài khoản của bà H. Diễn biến tại tài khoản của ông T vào ngày 09/01/2022 đến ngày 10/01/2022 cụ thể như sau: Vào lúc 07 giờ 58 phút ngày 09/01/2022, tài khoản của ông T có số dư là 17.709.412đ; tiếp theo: Buổi sáng ngày 10/01/2022, tài khoản của ông T nhận được 2.900.000.000đ từ tài khoản của ông Đ chuyển đến (lần lượt: 07 giờ 57 phút: 499.999.999đ; 07 giờ 58 phút: 499.999.999đ; 07 giờ 58 phút: 499.999.999đ; 07 giờ 59 phút: 499.999.999đ; 08 giờ 01 phút: 499.999.999đ; 08 giờ 02 phút: 400.000.000đ); ngay sau khi (cùng ngày 10/01/2022) nhận được 2.900.000.000đ do ông Đ chuyển đến, thì từ tài khoản của ông T chuyển đến tài khoản của bà H 2.900.000.000đ (lần lượt: 08 giờ 07 phút: 499.999.999đ; 08 giờ 08 phút: 499.999.999đ; 08 giờ 09 phút: 499.999.999đ; 08 giờ 10 phút: 499.999.999đ; 08 giờ 10 phút: 499.999.999đ; 08 giờ 11 phút: 400.000.000đ); sau đó, (cùng ngày 10/01/2022) từ tài khoản của bà H chuyển đến tài khoản của ông T 02 lần là 900.000.000đ cùng nội dung: “*Tiền L dư*”.

Theo ông T trình bày: “*Do ông Đ có mượn 2.900.000.000đ của tôi nên ngày 10/01/2022, ông Đ chuyển khoản trả cho tôi nên sau khi nhận được tiền*

*của ông Đ thì tôi chuyển ngay cho bà H mượn; sau khi mượn vài phút thì bà H chuyển trả tôi 900.000.000đ, còn mượn lại 2.000.000.000đ. Những lần trước đó (tức từ ngày 21/12/2021 đến ngày 09/01/2022) cũng tương tự là ông Đ chuyển khoản trả nợ cho tôi thì tôi chuyển khoản ngay cho bà H mượn”.*

Tuy nhiên, từ tài khoản của ông T chuyển đến tài khoản của bà H 2.900.000.000đ ngày 10/01/2022 không ghi nội dung cho bà H mượn tiền; từ tài khoản của bà H chuyển đến tài khoản của ông T 900.000.000đ ngày 10/01/2022 không ghi nội dung bà H chuyển trả nợ cho ông T; ông T và ông Đ không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc ông Đ có mượn tiền của ông T để chứng minh cho việc ông Đ chuyển tiền trả cho ông T tương ứng với 74 lần với khoảng 33 tỷ đồng; ông T không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc bà H có trả nợ cho ông T từ ngày 21/12/2021 đến ngày 09/01/2022.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/01/2023, ông T trình bày: *“Số tài khoản của bà H do ông Đ cho tôi biết, bà H không yêu cầu tôi chuyển tiền mà do ông Đ yêu cầu tôi chuyển tiền cho bà H; trước khi tôi chuyển tiền cho bà H thì ông Đ tự cho bà H biết; khi tài khoản của bà H nhận được tiền từ tài khoản của tôi chuyển đến thì bà H tự cho ông Đ biết, chứ bà H không cho tôi biết. Vì tôi và bà H không gặp nhau lần nào, tôi chỉ biết bà H trong giới làm ăn, chứ tôi không thân quen với bà H nên mọi việc chuyển tiền từ tài khoản của tôi đến tài khoản của bà H đều là do ông Đ yêu cầu”.*

Tại Điều 116 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”*; tại khoản Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể”*; tại Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ”*.

Đối chiếu lời khai của ông T, bà H, ông Đ với quy định của pháp luật, thì giữa ông T và bà H không có sự thỏa thuận về việc xác lập giao dịch vay tiền (hoặc mượn tiền như ông T trình bày).

Bởi vì, tại tài khoản của ông T đã thể hiện, mỗi lần ông Đ chuyển tiền đến tài khoản của ông T, để ông T chuyển đến tài khoản của bà H thì ông Đ có cho ông T số tiền từ 100.000đ đến khoảng 300.000đ, 10.000.000đ; ông Đ cũng dùng tài khoản của ông T để thực hiện giao dịch đặt cọc mua gạo, nếp như nhận định tại mục [3.2]. Điều đó cho thấy, ông Đ thường xuyên sử dụng tài khoản do ông T đứng tên để thực hiện các giao dịch của ông Đ với đối tác của ông Đ.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại Biên bản đối chất ngày 09/9/2022, ông Đ trình bày: *“Tôi, bà H và ông Phương có hùn mua bán lúa gạo như bà H trình bày. Việc làm ăn trong đó có phát sinh lời lỗ và trong quá trình mua bán tại Campuchia thì người mua bán với tôi chưa trả tiền nên tôi chưa có tiền trả cho bà H. Còn số tiền cụ thể thì tôi cũng thừa nhận hơn 02 tỷ đồng”.*



Do đó, có cơ sở xác định tài khoản của bà H có nhận 2.900.000.000đ từ tài khoản của ông T chuyển đến ngày 10/01/2022 đó là giao dịch giữa bà H và ông Đ thông qua tài khoản của ông T.

Tại khoản 1 Điều 275 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Căn cứ phát sinh nghĩa vụ từ: Hợp đồng*”. Giữa ông T và bà H không có sự thỏa thuận về việc xác lập giao dịch vay tiền (hoặc mượn tiền như ông T trình bày); vì vậy, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa ông T và bà H đối với số tiền 2.900.000.000đ từ tài khoản của ông T chuyển đến tài khoản của bà H vào ngày 10/01/2022.

Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ cung cấp tờ giấy phô tô về tin nhắn zalo mang tên “*H Long Bình*”.

Xét thấy, tờ giấy phô tô về tin nhắn zalo mang tên “*H Long Bình*” không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tin nhắn zalo; không thể hiện toàn bộ nội dung đoạn chat zalo. Hơn nữa, tin nhắn zalo không có nội dung về việc bà H nhờ ông Đ mượn tiền của ông T, không có nội dung bà H trả nợ cho ông T số tiền 900.000.000đ vào ngày 10/01/2022. Về tin nhắn zalo lúc 9 giờ 12 phút ngày 1/12/2021 có hình chụp tờ giấy tính số liệu toán học ra số: “2.905.065.000” kèm dòng tin nhắn “*Gửi 2900 triệu là đủ a*”, “*Gửi cho em kịp giờ đi a*”; về tin nhắn zalo lúc 08 giờ 16 phút ngày 10/01/2022: “*Phần tiền này e lấy lại 2 tỷ coi như số tiền anh lấy của em 2 năm nay, giờ em chịu bỏ 550 triệu, chút em ck lại cho a 900 triệu, có gì a và a thương lên giáp mặt giải quyết, còn để em ôm 1 mình thì không được*”. Với nội dung tin nhắn này thể hiện giao dịch giữa bà H, ông Đ và ông P (có tên thường gọi là T) trong mối quan hệ công việc làm chung với nhau, không liên quan đến ông T, cũng không có nội dung bà H vay hoặc mượn 2.900.000.000đ của ông T vào ngày 10/01/2022.

Do đó, ông T, ông Đ và Luật sư Võ Hồ Thế P (bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T) căn cứ vào tờ giấy phô tô về tin nhắn zalo mang tên “*H Long Bình*” để chứng minh rằng bà H nhận 2.900.000.000đ ngày 10/01/2022 là mượn của ông T, đã trả cho ông T 900.000.000đ, còn mượn lại 2.000.000.000đ là không có cơ sở.

Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư Võ Hồ Thế P yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết quan hệ hùn vốn mua bán giữa bà H, ông Đ và ông P trong vụ án hợp đồng vay giữa ông T và bà H.

Xét thấy, các đương sự đã thừa nhận quan hệ hùn vốn mua bán giữa bà H, ông Đ và ông P không liên quan đến ông T; đồng thời, quá trình giải quyết vụ án

theo thủ tục sơ thẩm, bà H không yêu cầu phản tố; ông Đ và ông P không yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 200, Điều 201, Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên cấp sơ thẩm giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của ông T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa, ông T chỉ kháng cáo trong phạm vi yêu cầu khởi kiện; bà H, ông Đ và ông Phương không kháng cáo nên cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Luật sư Võ Hồ Thế P yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết quan hệ hùn vốn mua bán giữa bà H, ông Đ và ông P trong cùng vụ án này là vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự và vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm nên không Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Tuấn T.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 189/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang:
  - Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Tuấn T về yêu cầu bà Tân Thị Thúy H trả tiền mượn 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) và tiền lãi 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng).
  - Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Tuấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 74.700.000đ (bảy mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) theo Biên lai thu số 0006858 ngày 08/3/2022 và 3.375.000đ (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0006541 ngày 22/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang, ông Đỗ Tuấn T còn phải nộp thêm số tiền 35.325.000đ (ba mươi lăm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Tuấn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0007174 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND huyện An Phú;
- Chi cục THADS huyện An Phú;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Ngô Ngọc Phi**